TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày: 09-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn An;

Ông Trần Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị B, sinh năm 1953; cư trú tại: khu phố LA, phường TB, thị xã N, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Trần Minh T – Luật sư công tác tại văn phòng luật sư Trần Minh Tuấn, có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại: khu phố GH, phường TB, thị xã N, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Lý Di T, sinh năm 1972; cư trú tại: khu phố GH, phường TB, thị xã N, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Anh Phan Vũ Hoàng C, sinh năm 1978; cư trú tại: khu phố LA, phường TB, thị xã N, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-4-2021, các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày:

Bà và chị Nguyễn Thị L có quen biết nhau nên khi chị L rủ bà tham gia góp hụi do chị L làm chủ thì bà đồng ý. Bà tham gia 03 dây do chị L làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: khui ngày 10-6-2019 (DL), dự kiến mãn hụi ngày 10-7-2021, hụi gồm 26 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần (Dì Vân). Bà đóng được 22 lần hụi sống (bình quân mỗi tháng đóng 3.900.000 đồng). Đến tháng 3-2021, chị L tuyên bố bể hụi. Chị L còn nợ bà số tiền hụi sống là 85.800.000 đồng.

Dây thứ hai: khui ngày 15-4-2019 (DL), dự kiến mãn hụi ngày 15-8-2021, hụi gồm 29 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần (Dì Vân). Bà đóng được 24 lần hụi sống (bình quân mỗi tháng đóng 3.800.000 đồng). Đến tháng 3-2021, chị L tuyên bố bể hụi. Chị L còn nợ bà số tiền hụi sống là 91.200.000 đồng.

Dây thứ ba: khui ngày 20-10-2019 (DL), dự kiến mãn hụi ngày 20-11-2021, hụi gồm 26 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần. Bà đóng được 17 lần hụi sống (bình quân mỗi tháng đóng 4.000.000 đồng). Đến tháng 3-2021, chị L tuyên bố bể hụi. Chị L còn nợ bà số tiền hụi sống là 68.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 01-10-2020 (al), bà có cho chị L vay số tiền 400.000.000 đồng. Do chị L vay đỡ nên hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Chị L có viết giấy nợ giao bà giữ. Mục đích vay tiền để cho người khác vay lại. Đối với số tiền vay này, chị L có trả cho bà được 64.000.000 đồng tiền lãi suất.

Đến ngày 22-10-2020 (Al), chị L vay tiếp của bà số tiền 150.000.000 đồng, hứa đến ngày 22-01-2021 sẽ trả lại cho bà. Chị L có viết giấy nợ chung trong giấy nợ ngày 20-10-2020 (al). Tuy nhiên, đến ngày trả nợ chị L không có trả cho bà số tiền nào cả. Đối với số tiền vay này, chị L có trả cho bà được 12.000.000 đồng tiền lãi suất.

Sau khi chị L tuyên bố ngưng hụi thì đến ngày 09-4-2021, chị L có trả cho bà được số tiền 30.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu chị L cùng anh Lý Di T (chồng chị L) cùng trả cho bà số tiền hụi là 215.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền vay 550.000.000 đồng; trả lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 10-2020 (al) đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà B thừa nhận có nhận của chị L tổng cộng là 88.000.000 đồng tiền lãi. Tại tòa bà rút yêu cầu tính lãi suất đối với khoản nợ vay và nợ hụi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị xác nhận lời trình bày của bà B là đúng về các dây hụi mà bà B tham gia cũng như số tiền chị đã vay. Số tiền hàng tháng bà B khai đóng hụi sống cho chị từng tháng bình quân 3.900.000 đồng; 3.800.000 đồng; 4.000.000 đồng như trên là đúng. Chị xác nhận còn nợ tiền hụi của bà B là 245.000.000 đồng. Đến ngày 09-4-2021, chị có trả cho bà B được số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị có trả cho bà B số tiền lãi như sau: Đối với khoảng vay 400.000.000 đồng/04%/tháng, chị đã trả cho bà B được 64.000.000 đồng. Khoảng vay 150.000.000 đồng/04%/tháng, chị đã trả được 24.000.000 đồng. Số tiền trả lãi hàng tháng cho bà B thì chị không đưa cho bà B mà đóng hụi cho 03 dây hụi nêu trên, còn dư bao nhiêu thì chị đưa cho bà B nhưng không có làm giấy.

Chị và anh T vẫn còn chung sống với nhau. Nhưng việc chị mở các dây hụi cho các hụi viên tham gia thì anh T không biết cụ thể như thế nào. Ngoài ra, số tiền chị vay của bà B là để cho người khác vay lại lấy chênh lệch lãi suất. Việc chị tổ chức tham gia góp hụi và cho vay nhằm có thu nhập để lo chi phí trong gia đình. Nay chị đồng ý trả cho bà B 215.000.000 đồng tiền nợ hụi và 550.000.000 đồng tiền nợ vay; không đồng ý trả tiền lãi suất vì hoàn cảnh khó khăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Di T trình bày: Anh là chồng của chị Nguyễn Thị L. Anh có biết việc chị L mở các dây hụi để các hụi viên tham gia. Nhưng do anh làm nghề tài xế không thường xuyên ở nhà nên không biết cụ thể việc tham gia góp hụi do chị L làm chủ. Việc bà B có cho chị L vay tiền hay không thì anh không biết. Do đó, anh không đồng ý cùng chị L trả tiền nợ hụi và nợ vay cho bà B.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Vũ Hoàng C trình bày: Anh là con của bà Võ Thị B. Từ trước đến nay, anh không có tham gia góp hụi do chị L làm chủ, cũng không có cho chị L vay tiền. Vào ngày 09-4-2021, anh và chị L có viết giấy "Cam kết nợ" với số tiền 770.000.000 đồng; đây là tiền nợ của chị L nợ bà B, không phải tiền của anh. Anh đứng ra thỏa thuận để giải quyết nợ với chị L nhưng chị L không tự trả nợ cho bà B. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu chị L trả nợ. Trong vụ án này anh không có yêu cầu gì đối với số tiền 770.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Di T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470, 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B tranh chấp hợp đồng vay tài và góp hụi đối với chị Nguyễn Thị L và anh Lý Di T. Buộc chị L, ông T phải

có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 765.000.000 đồng và đồng thời tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Di T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị L, anh T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 550.000.000 đồng, yêu cầu trả số tiền nợ hụi là 215.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 10-2020 đến khi Tòa án xét xử vụ án.

[2.1] Đối với số nợ vay 550.000.000 đồng chứng cứ bà B giao nộp cho Tòa án thể hiện giấy nợ ngày 01-10-2020 và 22-10-2020. Qua làm việc chị L có thừa nhận nợ số tiền 550.000.000 đồng của bà B và đồng ý trả cho bà B số tiền này.

[2.2] Đối với nợ hụi số tiền 215.000.000 đồng, qua làm việc chị L có thừa nhận nợ số tiền 215.000.000 đồng của bà B và đồng ý trả cho bà B số tiền này.

[2.3] Bà B yêu cầu vợ chồng chị L và anh T cùng có trách nhiệm trả cho bà B, còn chị L thừa nhận có nợ và nhận một mình trả nợ cho bà B. Anh T (chồng chị L) thì cho rằng việc nợ tiền của bà B là nợ riêng của chị L nên không đồng ý cùng chị L trả nợ cho bà B. Xét thấy, chị L thừa nhận trong thời gian vợ chồng chị L và anh T sống chung với nhau. Chị L làm nội trợ, còn anh T làm tài xế. Chị bắt đầu tổ chức góp hụi từ năm 2014, vay tiền của bà L để cho người khác vay lại hưởng tiền lãi chênh lệch, có tiền thu nhập lo cho cuộc sống gia đình và lo 02 con chung của chị và anh T ăn học. Qua xác minh chính quyền địa phương cũng như những người sống lân cận nhà chị L và anh T đều xác nhận trước thời điểm xảy ra bể hụi (tháng 3-2021) thì vợ chồng chị L và anh T vẫn chung sống chung nhà với nhau. Do đó, xác định nợ của bà B là nợ chung của vợ chồng chị L và anh T. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của bà B; buộc anh T và chị L trả số tiền vay 550.000.000 đồng và 215.000.000 đồng tiền nợ hụi.

[3] Tại phiên tòa bà B có yêu cầu không tính lãi suất đối với số tiền nợ vay và nợ hụi. Tuy nhiên, do bà B thừa nhận có nhận tổng số tiền lãi suất là 88.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần tính lại lãi suất mà chị L đã trả cho bà B có vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật hay không. Cụ thể số tiền vay 400.000.000 đồng, chị L vay vào ngày 01-10-2020; số tiền 150.000.000 đồng, chị L vay vào ngày 21-10-2020. Bà B yêu cầu tính lãi bắt đầu từ tháng 10-2020 đến tháng 5-2022 là 19 tháng. Chị L và bà B đều thừa nhận khi cho vay có tính lãi suất nhưng có mâu thuẫn về mức lãi suất. Do đó, Tòa án xác định mức

lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 50% của lãi suất 20%/năm; vậy lãi suất được tính là 0,83%/tháng; thành tiền là 550.000.000 đồng x 0,83%= 4.565.000 đồng. Thời gian tính lãi suất từ tháng 10-2020 đến tháng 05-2022 là 19 tháng. Vậy tổng số tiền lãi là 4.565.000 đồng x 19 tháng = 86.735.000 đồng.

[3.1] Đối với số tiền nợ hụi là 215.000.000 đồng; tính từ ngày 3-2021 đến tháng 5-2022. Các bên đương sự đều xác nhận, bà B đóng tiền hụi cho chị L từ khi tham gia hụi năm 2019 đến thời điểm ngưng hụi là tháng 3 năm 2021. Do đó, thời gian tính tiền lãi suất bắt đầu từ tháng 03-2021 đến tháng 5-2022; mức lãi suất là 0,83%/tháng. Vậy thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2022 là 14 tháng. Vậy số tiền lãi là 215.000.000 đồng x 0,83% x 14 tháng = 24.983.000 đồng.

[3.2] Vậy tổng cộng lãi suất theo quy định pháp luật chị L, anh T phải trả cho bà B là 86.735.000 đồng + 24.983.000 đồng = 111.718.000 đồng nhiều hơn số tiền 88.000.000 đồng mà chị L đã trả cho bà B. Do đó, ghi nhận bà B không yêu cầu trả tiếp số tiền lãi suất còn thiếu.

Vậy tổng cộng chị L và anh T có nghĩa vụ trả cho bà B tổng cộng là: 550.000.000 đồng + 215.000.000 đồng = 765.000.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị L, anh T phải chịu 20.000.000 đồng + 365.000.000 đồng x 4% = 34.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B đối với chị Nguyễn Thị L, anh Lý Di T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hóp hụi.

Buộc chị Nguyễn Thị L, anh Lý Di T liên đới trả cho bà Võ Thị B 550.000.000 đồng tiền vay gốc, 215.000.000 đồng tiền hụi. Tổng cộng là 765.000.000 (Bảy trăm sáu mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Võ Thị B không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L và anh Lý Di T phải chịu 34.600.000 (ba mươi bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho bà B, anh C có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị L, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm